

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HS-ST
Ngày 31-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Lê Trường Hải**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chung.**
Ông **Trương Tha.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Thật** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Cao Thị Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2018/HSST ngày 29 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/HSST-QĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

- Nguyễn T. N - Giới tính: Nam;
Sinh năm: 1977 tại N, Khánh Hòa;
Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Thợ hồ;
Con ông: Nguyễn T.T - Sinh năm 1958 và bà: Phạm T. C - Sinh năm: 1960;
Vợ: Lê T. T. S - sinh năm 1976; Có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2003;
Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Bà **Trịnh V. M. D** - sinh năm: 1993;
Nơi cư trú: Lô 18, khu dân cư 51 L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Trần M.T** - sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Ông **Dương V.H** - sinh năm: 1964.

Nơi cư trú: 163 N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Các ông **Lê T. K, Hoàng Đ M, Lê V.Q** và **Huỳnh N. P.B.**
Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 26/10/2015, Nguyễn T. N điều khiển xe mô tô biển số 79F7-7532 đến nhà bà Võ T. M. D ở thôn B, xã N, thị xã N để giải quyết mâu thuẫn tình cảm nhưng không có bà D ở nhà. Thấy con gái bà D là Trịnh V. M. D nằm trong phòng có để một điện thoại di động hiệu Oppo R7 Lite Silver màu trắng trước cửa phòng thì N nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Thực hiện ý định đó, N lén lút lấy điện thoại của D bỏ vào túi quần rồi điều khiển xe bỏ đi. Đến đầu tháng 11/2015, N nhờ Hoàng Đ. M xóa giúp dữ liệu trong máy điện thoại rồi nói với Lê V. Q là điện thoại của mình và nhờ Q cầm cố giúp, Q nhờ Huỳnh N. P.B cầm cố ở tiệm Tài T T ở tổ dân phố T, phường N, thị xã N được 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) rồi Q đưa cho N tiêu xài cá nhân hết. Đối với Hoàng Đ.M khi thấy có hình ảnh của D trong máy điện thoại Oppo thì báo cho D biết nên ngày 05/11/2015 D làm đơn trình báo cơ quan công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 163/KL ngày 23/11/2015 của hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã Ninh Hòa thì điện thoại di động hiệu Oppo R7 Lite Silver trị giá 6.428.800 đồng.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 28/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn T. N về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng vị đại diện Viện kiểm sát đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại Trịnh V. M.D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.990.000đ.

Bị cáo đồng ý và đã bồi thường số tiền 6.990.000đ cho bị hại tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng bổ sung điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn T. N từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trịnh V.M. D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.990.000đ, bị cáo đồng ý bồi thường 6.990.000đ. Bị cáo và bị hại đã thực hiện việc bồi thường tại phiên tòa. Bị hại không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên không xem xét. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần M.T, Dương V. H vắng mặt nên cần tách thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu. Về vật chứng đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chiếc xe mô tô hiệu LIFAN biển số 79F7-7532 có số máy FMG – 399268144, số khung CG 504 XA032074; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 79F7-7532 mang tên Dương V.H thu giữ của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo. Trong trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với chiếc xe nêu trên thì tách thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Bị cáo, người bị hại không có ý kiến tranh tụng gì với vị đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời nói sau cùng có nội dung cụ thể như sau: “*Bị cáo hối hận xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần M T, Dương V.H và người làm chứng Lê T K, Hoàng ĐM, Lê V Q và Huỳnh N P B được triệu tập hợp lệ vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn T. N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo bản kết luận định giá tài sản số 163/KL ngày 23/11/2015 của hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Ninh Hòa thì điện thoại di động hiệu Oppo R7 Lite Silver trị giá 6.428.800đ. Như vậy, khẳng định cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 28/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn T. N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, thực hiện với lỗi cố ý. Vì tham lam tư lợi mà bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chị Trịnh V M D đang cầm sạc chiếc điện thoại di động hiệu Oppo R7

Lite Silver trị giá 6.428.800đ để thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt với mục đích tiêu xài cho cá nhân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Sau khi phạm tội đã bỏ trốn và bị Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã bị cáo. Việc bỏ trốn của bị cáo gây khó khăn trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm cho Cơ quan điều tra. Vì vậy cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung tội phạm.

Tuy nhiên đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để ra mức hình phạt phù hợp quy định pháp luật và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như sau: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tại phiên tòa bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Các tình tiết này được quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[6] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Ninh Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại Trịnh V M D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.990.000đ, bị cáo đồng ý và đã bồi thường số tiền 6.990.000đ cho bị hại tại phiên tòa. Bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần M T, Dương VH vắng mặt nên cần tách thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[9] Về vật chứng: Chiếc xe mô tô hiệu LIFAN biển số 79F7-7532 có số máy FMG – 399268144, số khung CG 504 XA032074; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 79F7-7532 mang tên Dương V H thu giữ của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo. Trong trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với chiếc xe nêu trên thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn T. N phải nộp 200.000đ án phí hình sự và 349.500đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

1. Bị cáo Nguyễn T. N phạm tội “trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn T. N **06** (Sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trịnh V M D không yêu cầu nên không xem xét.

Tách thành vụ kiện dân sự khác khi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần MT, Dương V H có yêu cầu.

4. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn T. N 01 xe mô tô hiệu LIFAN biển số 79F7-7532 có số máy FMG – 399268144, số khung CG 504 XA032074; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 79F7-7532 mang tên Dương V H.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/5/2018 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa và Cơ quan điều tra công an thị xã Ninh Hòa.

Trong trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với chiếc xe nêu trên thì giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn T. N phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 349.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Tòa án nhân dân Tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

- Công an thị xã Ninh Hòa;
- Thi hành án Hình sự thị xã Ninh Hòa.
- Chi cục THA DS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trường Hải